

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực giảm nghèo,
quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 93/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Tờ trình số 102/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực giảm nghèo, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS.Nga



CHỦ TỊCH

Đỗ Hữu Huy

Phụ lục
DANH MỤC CHUẨN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO,
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH THUẬN
(Kèm theo Quyết định số 826 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

T T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện		Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI		
A	Thủ tục hành chính cấp xã							
I	Lĩnh vực giảm nghèo (05 TTHC)							
1	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hàng năm	Rà soát từ ngày 01/9 đến ngày 14/12 của năm	- Tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa của UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: UBND cấp xã, UBND cấp huyện	Chưa triển khai	x	Không quy định	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư số 02/2022/TT- BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
2	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm	15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (mỗi tháng 01 lần, thực	- Tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa của UBND cấp xã.	Chưa triển khai	x	Không quy định	

			hiện từ ngày 15 hằng tháng).	- Cơ quan giải quyết: UBND cấp xã.				- Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.
3	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng).	- Tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa của UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: UBND cấp xã.	Chưa triển khai	x	Không quy định	
4	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.	15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (thực hiện từ ngày 15 hằng tháng).	- Tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa của UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: UBND cấp xã.	Chưa triển khai	x	Không quy định	- Luật cư trú năm 2020; - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động,

								Thương binh và Xã hội.
5	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp ¹	15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (thực hiện từ ngày 15 hằng tháng).	- Tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa của UBND cấp xã. - Cơ quan giải quyết: UBND cấp xã.	Chưa triển khai	x	Không quy định	- Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

¹ Thủ tục hành chính mới ban hành theo Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh							
1	Lĩnh vực quản lý chất lượng nông sản (03 TTHC)							
1	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	15 ngày	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: + Chi cục Chất lượng nông sản và PTNT. + Chi cục Thủy sản và Biển đảo. + Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi	Toàn trình	x	700.000 đ/cơ sở.	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 44/2018/TTBTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.
2	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu	Ngay sau khi kiểm soát tại	Tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Chất	Chưa triển khai	x	Không	- Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày

		kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	hiện trường	lượng nông sản và PTNT.				08/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	01 ngày làm việc	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh. - Cơ quan giải quyết: Chi cục Chất lượng nông sản và PTNT	Toàn trình	x	Không	- Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT